TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 871/2017/DS-PT
Ngày: 21-9-2017
V/v: "Tranh chấp nợ hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN - THÀNH PHỐ H

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Trí

Các Thẩm phán: - Bà Nguyễn Thị Huyền

- Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên toà*:* Bà Hoàng Anh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 272/2017/TLPT- DS ngày 12 tháng 7 năm 2017 về "Tranh chấp nợ hụi ";

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 99/2017/DS-ST ngày 21/4/2017 của Toà án nhân dân quận TĐ, bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1566/2017/QĐPT-DS ngày 24 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4920/2017/QĐ-PT ngày 24/7/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Ngô Thị Lệ H**, sinh năm 1970

Địa chỉ: 402 lô D, chung cư CG, phường CG, Quận M, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Bà Phạm Thị L, theo uỷ quyền lại từ ông Phạm Văn V ngày 12 tháng 9 năm 2017. (có mặt)

Bị đơn:
1. Ông **Trần Nhật T**, sinh năm 1982
2. Bà **Hứa Thanh T1**, sinh năm 1984

Cùng địa chỉ cư trú: 117/11 quốc lộ MA, tổ 4, khu phố N, phường TB, quận TĐ, Thành phố H.

Cùng uỷ quyền cho ông Trần Đức B, theo uỷ quyền ngày 11/7/2017. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và trình bày của các đương sự, nội dung vụ án như sau:

Năm 2013, vợ chồng ông Trần Nhật T bà Hứa Thanh T1 tham gia nhiều dây hụi do bà Ngô Thị Lệ H làm chủ hụi. Ông T, bà T1 xin hốt hụi trước để lấy vốn mua sạp kinh doanh tại chợ đầu mối TĐ. Cụ thể, ông T, bà T1 đã hốt trước 07 (bảy) dây hụi nhưng mới đóng hụi chết cho bà H được mấy kỳ như sau:

1. Ngày 10/11/2013 (khui và nhận tiền cùng ngày) khui 01 dây hụi 10.000.000 đồng, gồm 12 phần hụi (11 phần hụi sống) là 7.400.000 đồng x 11 = 81.400.000 đồng, trong đó trừ 1 phần hụi chết 10.000.000 đồng, trừ tiền thảo 5.000.000 đồng; Bà T1 đã nhận 66.400.000 đồng; Bà T1 đóng được 9 kỳ, còn nợ 3 kỳ là 30.000.000 đồng.

2. Ngày 20/01/2014 (khui và nhận tiền cùng ngày) khui 01 dây hụi 20.000.000 đồng, gồm 12 phần hụi (11 phần hụi sống) là 16.250.000 đồng x 17 = 178.750.000 đồng, trong đó trừ tiền thảo 10.000.000 đồng; Bà T1 đã nhận 168.750.000 đồng; Bà T1 đóng được 7 kỳ, còn nợ 5 kỳ là 100.000.000 đồng.

3. Ngày 15/03/2014 (khui và nhận tiền cùng ngày) khui 01 dây hụi 20.000.000 đồng, gồm 12 phần hụi (11 phần hụi sống) là 16.250.000 đồng x 11 = 178.750.000 đồng, trong đó trừ tiền thảo 10.000.000 đồng; Bà T1 đã nhận 168.750.000 đồng; Bà T1 đóng được 4 kỳ, còn nợ 8 kỳ là 160.000.000 đồng.

4. Ngày 30/05/2014 (khui và nhận tiền cùng ngày) khui 01 dây hụi 10.000.000 đồng, gồm 18 phần hụi (17 phần hụi sống) là 8.000.000 đồng x 17 = 136.000.000 đồng, trong đó trừ 01 phần hụi chết 5.000.000 đồng, trừ tiền thảo 5.000.000 đồng; Bà T1 đã nhận 126.000.000 đồng; Bà T1 đóng được 6 kỳ, còn nợ 12 kỳ là 120.000.000 đồng.

5. Ngày 05/06/2014 (khui và nhận tiền cùng ngày) khui 01 dây hụi 20.000.000 đồng, gồm 12 phần hụi (11 phần hụi sống) là 16.200.000 đồng x 11 = 178.200.000 đồng, trong đó trừ 01 phần hụi chết 20.000.000 đồng, trừ tiền thảo 10.000.000 đồng; ông Trần Nhật T đã nhận 148.000.000 đồng: Bà T1 đóng được 3 kỳ, còn nợ 9 kỳ là 180.000.000 đồng.

6. Ngày 01/9/2014 (khui và nhận tiền cùng ngày) khui 01 dây hụi 10.000.000 đồng, gồm 12 phần hụi (11 phần hụi sống) là 7.500.000 đồng x 11 = 82.500.000 đồng, trong đó trừ 02 phần hụi chết 20.000.000 đồng, trừ tiền thảo 5.000.000 đồng; Bà T1 đã nhận 57.500.000 đồng; Bà T1 đóng được 2 kỳ, còn nợ 10 kỳ là 100.000.000 đồng.

7. Ngày 24/07/2014 khui 01 dây hụi 10.000.000 đồng, gồm 12 phần hụi (11 phần hụi sống) là 16.200.000 đồng x 11 = 178.200.000 đồng, trong đó trừ 01 phần hụi chết 20.000.000 đồng, trừ tiền thảo 10.000.000 đồng; Ông Trần Nhật T đã nhận 82.000.000 đồng vào ngày 02/09/2014; Bà T1 đóng được 2 kỳ, còn nợ 10 kỳ là 100.000.000 đồng.

Tổng cộng tiền hụi chết của 07 (bảy) dây hụi ông Trần Nhật T và bà Hứa Thanh T1 chưa đóng là 790.000.000 (Bảy trăm chín mươi triệu) đồng. Bà H với tư cách là chủ hụi đã thanh toán cho các thành viên còn lại hốt sau là 790.000.000 (Bảy trăm chín mươi triệu) đồng.

Bà Ngô Thị Lệ H khởi kiện yêu cầu ông Trần Nhật T và bà Hứa Thanh T1 trả tổng số tiền hụi chết chưa thanh toán cho bà H là 790.000.000 (Bảy trăm chín mươi triệu) đồng và lãi suất tính từ ngày 03/09/2014 đến ngày xét xử.

Tại Bản tự khai 12/10/2016 và Biên bản đối chất ngày 02/12/2016, bà Hứa Thanh T1 xác nhận và đồng ý trả cho bà H 790.000.000 (Bảy trăm chín mươi triệu) đồng, vì hoàn cảnh nhiều khó khăn bà T1 yêu cầu trả chậm mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng.

Ông Trần Nhật T (bị đơn) vắng mặt tại phiên toà sơ thẩm không có lý do.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 99/2017/DS-ST ngày 21/4/2017 của Toà án nhân dân quận TĐ, đã xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Thị Lệ H:

- Buộc vợ chồng ông bà Trần Nhật T, Hứa Thanh T1 phải liên đới trả cho bà Ngô Thị Lệ H 1.073.511.250 (Một tỷ, không trăm bảy ba triệu, năm trăm mười một ngàn, hai trăm năm mươi) đồng, trong đó tiền gốc là 790.000.000 (Bảy trăm chín mươi triệu) đồng, tiền lãi là 283.511.250 (Hai trăm tám ba triệu, năm trăm mười một ngàn, hai trăm năm mươi) đồng, trả một lần sau khi bản án có hiệu lực.

Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Bản án sơ thẩm còn quyết định nghĩa vụ trả lãi do chậm thi hành án trả tiền, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02/6/2017, ông bà Trần Nhật T và Hứa Thanh T1 gửi đơn kháng cáo yêu cầu không tính lãi và yêu cầu trả chậm mỗi tháng 5.000.000 đồng sau ba năm sẽ trả mỗi tháng 7.000.000 đồng đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa, bà Ngô Thị Lệ H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Ông Trần Nhật T và bà Hứa Thanh T1 giữ nguyên kháng cáo; Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên toà phát biểu:

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩn phán chủ tọa phiên toà và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Kháng cáo của ông Trần Nhật T và bà Hứa Thanh T1 không có cơ sở và không được nguyên đơn chấp nhận nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Ông Trần Nhật T và bà Hứa Thanh T1 vắng mặt tại phiên toà sơ thẩm. Ngày 23/5/2017, Toà án cấp sơ thẩm niêm yết bản án. Ngày 02/6/2017, ông Trần Nhật T, bà Hứa Thanh T1 gửi đơn kháng cáo. Như vậy, đơn kháng cáo của ông T và bà T1 gửi trong hạn luật định, hợp pháp theo quy định tại các điều 273, 276 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Xét kháng cáo của ông Trần Nhật T và bà Hứa Thanh T1.

Theo các biên lai giao tiền từ ngày 13/8/2013 đến ngày 02/9/2014 do bà H cung cấp thể hiện ông Trần Nhật T và bà Hứa Thanh T1 có nhận tiền hụi do bà Hằng làm chủ theo các ngày như sau:

1. Ngày 10/11/2013 (khui và nhận tiền cùng ngày) khui 01 dây hụi 10.000.000 đồng, gồm 12 phần hụi (11 phần hụi sống) là 7.400.000 đồng x 11 = 81.400.000 đồng, trong đó trừ 1 phần hụi chết 10.000.000 đồng, trừ tiền thảo 5.000.000 đồng; Bà T1 đã nhận 66.400.000 đồng; Bà T1 đóng được 9 kỳ, còn nợ 3 kỳ là 30.000.000 đồng.

2. Ngày 20/01/2014 (khui và nhận tiền cùng ngày) khui 01 dây hụi 20.000.000 đồng, gồm 12 phần hụi (11 phần hụi sống) là 16.250.000 đồng x 17 = 178.750.000 đồng, trong đó trừ tiền thảo 10.000.000 đồng; Bà T1 đã nhận 168.750.000 đồng; Bà T1 đóng được 7 kỳ, còn nợ 5 kỳ là 100.000.000 đồng.

3. Ngày 15/03/2014 (khui và nhận tiền cùng ngày) khui 01 dây hụi 20.000.000 đồng, gồm 12 phần hụi (11 phần hụi sống) là 16.250.000 đồng x 11 = 178.750.000 đồng, trong đó trừ tiền thảo 10.000.000 đồng; Bà T1 đã nhận 168.750.000 đồng; Bà T1 đóng được 4 kỳ, còn nợ 8 kỳ là 160.000.000 đồng.

4. Ngày 30/05/2014 (khui và nhận tiền cùng ngày) khui 01 dây hụi 10.000.000 đồng, gồm 18 phần hụi (17 phần hụi sống) là 8.000.000 đồng x 17 = 136.000.000 đồng, trong đó trừ 01 phần hụi chết 5.000.000 đồng, trừ tiền thảo 5.000.000 đồng; Bà T1 đã nhận 126.000.000 đồng; Bà T1 đóng được 6 kỳ, còn nợ 12 kỳ là 120.000.000 đồng.

5. Ngày 05/06/2014 (khui và nhận tiền cùng ngày) khui 01 dây hụi 20.000.000 đồng, gồm 12 phần hụi (11 phần hụi sống) là 16.200.000 đồng x 11 = 178.200.000 đồng, trong đó trừ 01 phần hụi chết 20.000.000 đồng, trừ tiền thảo 10.000.000 đồng; ông Trần Nhật T đã nhận 148.000.000 đồng: Bà T1 đóng được 3 kỳ, còn nợ 9 kỳ là 180.000.000 đồng.

6. Ngày 01/9/2014 (khui và nhận tiền cùng ngày) khui 01 dây hụi 10.000.000 đồng, gồm 12 phần hụi (11 phần hụi sống) là 7.500.000 đồng x 11 = 82.500.000 đồng, trong đó trừ 02 phần hụi chết 20.000.000 đồng, trừ tiền thảo 5.000.000 đồng; Bà T1 đã nhận 57.500.000 đồng; Bà T1 đóng được 2 kỳ, còn nợ 10 kỳ là 100.000.000 đồng.

7. Ngày 24/07/2014 khui 01 dây hụi 10.000.000 đồng, gồm 12 phần hụi (11 phần hụi sống) là 16.200.000 đồng x 11 = 178.200.000 đồng, trong đó trừ 01 phần hụi chết 20.000.000 đồng, trừ tiền thảo 10.000.000 đồng; Ông Trần Nhật Trường đã nhận 82.000.000 đồng vào ngày 02/09/2014; Bà T1 đóng được 2 kỳ, còn nợ 10 kỳ là 100.000.000 đồng.

Tổng cộng tiền hụi chết của 07 (bảy) dây hụi ông Trần Nhật T và bà Hứa Thanh T1 chưa đóng là 790.000.000 (Bảy trăm chín mươi triệu) đồng. Bà H với tư cách là chủ hụi đã thanh toán cho các thành viên còn lại hốt sau là 790.000.000 (Bảy trăm chín mươi triệu) đồng.

Căn cứ Điều 16, Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ hướng dẫn về họ, hụi, biêu, phường, Bà Ngô Thị Lệ H chủ hụi yêu cầu ông Trần Nhật T và bà Hứa Thanh T1 phải thanh toán tiền hụi chết chưa đóng của 07 (bảy) dây hụi là 790.000.000 (Bảy trăm chín mươi triệu) đồng và tiền lãi theo lãi suất cơ bản từ ngày 03/9/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm là đúng căn cứ. Ông Trần Nhật T và bà Hứa Thanh T1 yêu cầu được trả chậm mỗi tháng 5.000.000 đồng, sau thời hạn ba năm sẽ trả mỗi tháng 7.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng không được bà H đồng ý.

Toà án cấp sơ thẩm đã xử buộc ông Trần Nhật T và bà Hứa Thanh T1 phải thanh toán cho bà Ngô Thị Lệ H tiền hụi chết chưa đóng của bảy dây hụi là 790.000.000 (Bảy trăm chín mươi triệu) đồng và tiền lãi theo lãi suất cơ bản từ ngày 03/9/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm là đúng căn cứ pháp luật. Do đó, kháng cáo của ông Trần Nhật T và bà Hứa Thanh T1 không được chấp nhận.

Ông Trần Nhật T và bà Hứa Thanh T1 phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 147, Điều 148, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 16, Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006;

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về Án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Nhật T và bà Hứa Thanh T1.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 99/2017/DS-ST ngày 21/4/2017 của Toà án nhân dân quận TĐ.

3. Buộc vợ chồng ông Trần Nhật T và bà Hứa Thanh T1 phải liên đới trả cho bà Ngô Thị Lệ H 1.073.511.250 (Một tỷ, không trăm bảy ba triệu, năm trăm

mười một nghìn, hai trăm năm mươi) đồng, trong đó tiền gốc là 790.000.000 (Bảy trăm chín mươi triệu) đồng, tiền lãi là 283.511.250 (Hai trăm tám ba triệu, năm trăm mười một nghìn, hai trăm năm mươi) đồng. Trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về án phí:

- Ông Trần Nhật T và bà Hứa Thanh T1 phải liên đới chịu án phí sơ thẩm 44.205.338 (Bốn mươi bốn triệu, hai trăm lẻ năm nghìn, ba trăm ba tám) đồng và phải chịu án phí phúc thẩm mỗi người là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền đã tạm nộp theo Biên lai số 0015624 ngày 15 tháng 6 năm 2017 và Biên lai số 0015623 ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận TĐ, đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

- Bà Ngô Thị Lệ H không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà H tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp là 18.738.750 (Mười tám triệu, bảy trăm ba tám nghìn, bảy trăm năm mươi) đồng theo Biên lai số AE/2014/0007835 ngày 24 tháng 5 năm 2016 của Chi cục Thi hành án quận TĐ.

Kể từ ngày bà Ngô Thị Lệ H có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Trần Nhật T và bà Hứa Thanh T1 chưa thi hành án thì hàng tháng ông T và bà T1 phải chịu tiền lãi chậm thi hành án theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại Tp. H;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. H;
- Tòa án nhân dân quận TĐ;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận TĐ;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Trí